

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 10 - 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2019 và ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị H - sinh năm: 1976 (*có mặt*).

Địa chỉ: Khóm W, Phường B, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh T - sinh năm: 1972 (*vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: Khóm F, Phường O, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng 07 năm thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/1997 tại UBND Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 - 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chỉ biết ăn chơi, cờ

bạc, không lo làm ăn, không lo cho vợ và các con. Quá trình chung sống, anh T thường xuyên gây ra nợ bên ngoài, chị H cũng không biết anh T vay mượn tiền bên ngoài để làm gì, chị H có hỏi thì anh T không nói nhưng theo chị H được biết thì anh T thường vay mượn tiền bên ngoài để chơi bi da, đánh số đề. Anh T chủ yếu vay mượn tiền của giang hồ bên ngoài với lãi suất cao nên chị H cũng không biết họ ở đâu; nhiều khi mượn tiền, không có tiền đóng lãi, anh T về nhà mang đồ đi cầm cố, chị H phải đi chuộc lại. Mỗi lần gây nợ, anh T bỏ nhà đi, để lại một mình chị H phải đi làm để kiếm tiền trả nợ cho anh T; đến khi chị H trả xong hết nợ thì anh T lại quay về. Khi quay về thì không chịu đi làm, nếu có đi làm thì cũng chỉ được vài ngày thì nghỉ và nói là làm không được, bị người này đi, người kia đi... và cứ tiếp tục gây nợ. Chị H cũng đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe và không chịu sửa đổi. Trầm trọng hơn là khoảng 02 năm trở lại đây, anh T không chịu đi làm phụ giúp chị H lo cho các con. Chị H khuyên nhiều lần thì anh T mới chịu đi làm nhưng cũng chỉ làm được khoảng một vài tháng thì lại nghỉ. Có những lần chị H giận quá quăng đồ đạc của anh T ra ngoài sân để cho anh T tự đi làm nhưng anh T cũng không chịu đi làm kiếm tiền để phụ giúp với chị H lo cho cuộc sống của gia đình và các con. Chị H cũng định ly hôn anh T nhiều lần nhưng vì gia đình, vì con còn nhỏ nên chị H đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh T với hy vọng là anh T thay đổi tính tình, không ham chơi, cờ bạc, gây nợ bên ngoài và biết lo làm ăn, lo cho vợ và các con nhưng anh T vẫn tính nào tật nấy, không chịu sửa đổi, vẫn cứ vay mượn nợ bên ngoài hết lần này đến lần khác và chị H lại phải tiếp tục đứng ra trả nợ thay cho anh T. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay.

Nay, chị H xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị H không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T. Chị H yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có 02 con chung tên M - sinh năm: 1999 và A - sinh ngày: 26/4/2008 (*hiện 02 con chung đang sống với chị H*). Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu A; chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A. Đối với cháu M - sinh năm: 1999, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H và anh T là M trình bày: Trong thời gian chung sống, cha của M là anh T thường nhiều lần gây nợ để

mẹ của M là chị H phải một mình lo trả hết nợ và nuôi sống gia đình gồm 04 miệng ăn. Nay, M ủng hộ việc xin ly hôn của mẹ là chị H.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H và anh T là cháu A trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu A có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh T.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về nuôi con chung: Đối với con chung tên M - sinh năm: 1999, đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng đối với cháu A - sinh ngày: 26/4/2008 (*hiện đang sống với chị H*); đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu A cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống vợ chồng từ năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/1997 tại UBND Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về phía anh T đã biết được việc chị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh T, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh T đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị H nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Về phía chị H cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, thường xuyên vay mượn nợ bên ngoài của nhiều người, không có khả năng trả nợ; chị H phải đứng ra trả nợ thay cho T rất nhiều lần; quá trình chung sống, anh T không lo làm ăn, không biết lo cho cuộc sống của vợ và các con, anh T sống không có trách nhiệm làm chồng, làm cha. Chị H cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh T vẫn tính nào tật nấy, không chịu sửa đổi, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Khoảng 02 năm nay anh T không còn quan tâm đến chị H và các con, một mình chị H phải lo cho cuộc sống của các con ăn học. Từ tháng 11/2018 đến nay, chị H và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau.

Nay, chị H nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị H không thể tiếp tục chung sống với anh T. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị H không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T, chị H quá mệt mỏi khi sống chung với anh T. Chị H yêu cầu được ly hôn anh T.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; giữa chị H và anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định là giữa chị H và anh T không còn tình cảm với nhau, mạnh ai nấy sống; mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T không có hạnh phúc; chị H không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng không sống chung với anh T. Đồng thời, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh T đều cố tình không đến Tòa án tham gia hòa giải, xét xử cũng không có văn bản ý kiến, trình bày gì đối với yêu cầu xin ly

hôn của chị H; từ đó cho thấy bản thân anh T cũng không có thành ý muốn hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị H. Nếu chị H và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị H yêu cầu xin được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu A - sinh ngày: 26/4/2008 (*hiện đang sống với chị H và anh T*); chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A. Đối với cháu M - sinh năm: 1999, đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ý kiến của cháu A là cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M - sinh năm: 1999 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết. Riêng cháu A - sinh ngày: 26/4/2008, hiện đang sống ổn định với chị H, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nguyện vọng của cháu A cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với chị H. Mặc khác, hàng ngày anh T cũng ít khi quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho cháu A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu A cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu A và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu A trong sinh hoạt, học tập. Anh T được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Cẩm Hương. Cho chị H ly hôn anh T.

2. Về nuôi con chung: Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên A - sinh ngày: 26/4/2008 (*hiện đang sống với chị H*). Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 08/4/2019 theo biên lai thu số 0009533 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh Triết vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường 1, TP Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(đã ký)

Trần Quốc Danh